

Bản án số: 50/2018/HSST
Ngày 18-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Thành
2. Ông Phạm Công Gia

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thanh T, sinh năm 1997 tại ĐN. Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh V, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại: Ông Phạm Văn Đ (đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Phạm Tiến D – sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thanh T 1, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN.

2. Bà Trần Thị Th – sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thanh T, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN.

3. Ông Phạm Văn H – sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 736/21, đường a, phường b, quận GV, Thành phố d.

4. Ông Phạm Duy L – sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thanh T 3, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN.

5. Ông Phạm Duy Kh – sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thanh T 1, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN.

6. Bà Phạm Thị L – sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phương L 2, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN.

7. Bà Phạm Thị Q – sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: 18, Phố chợ, Phường TT, Quận TP, TP d.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thanh T có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định.

Sáng ngày 03 tháng 01 năm 2018, Trần Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 60B3-520.08 đi trên Quốc lộ 20 theo hướng Lâm Đồng về Dầu Giây. Lúc 09 giờ 45 phút cùng ngày, khi đến Km 64 Quốc lộ 20 thuộc Ấp Thọ L 1, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN, do không nhường đường cho ông Phạm Văn Đ đang dắt bộ xe đạp từ bên phải đường sang bên trái đường nên T đã đụng vào ông Đ gây tai nạn giao thông.

Tại hiện trường vụ tai nạn, mặt lòng đường Quốc lộ 20 rộng 11m10. Sau khi xảy ra tai nạn xe mô tô và xe đạp trượt ngã trên mặt đường nhựa phía bên trái Quốc lộ 20 theo hướng Lâm Đồng về Dầu Giây. Tâm bánh trước và bánh sau của xe mô tô do T điều khiển cách mép lòng đường bên trái lần lượt là 6m70, 5m30; tâm bánh trước và bánh sau của xe đạp ông Đ cách mép lòng đường bên trái lần lượt là 4m10 và 4m10 (hướng bên trái nêu trên được tính theo chiều lưu hành của xe ô tô do T điều khiển).

Hậu quả: ông Nguyễn Văn Đ chết trên đường đi cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định số 05/PC45-KLGĐPY ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh ĐN xác định nguyên nhân chết của ông Phạm Văn Đ là do sốc mất máu do chấn thương vùng bụng hố chậu đập rách mạc treo ruột, gãy khung xương chậu.

Nguyên nhân lỗi gây ra vụ tai nạn giao thông: Do Trần Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 60B3-520.08 không nhường đường cho người đi bộ qua đường.

Cáo trạng số 40/CT-VKS-TP ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông

đường bộ”; đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình. Phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; áp dụng khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Thanh T mức án từ 12 (Mười hai) đến 14 (Mười bốn) tháng tù, cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận do điều khiển xe mô tô không nhường đường cho người đi bộ qua đường nên đã đụng vào ông Phạm Văn Đ đang dắt bộ xe đạp từ bên phải đường sang bên trái đường gây tai nạn giao thông. Hậu quả ông Phạm Văn Đ tử vong. Sau khi tai nạn xảy ra, bản thân bị cáo và gia đình mình đã thỏa Th bồi thường xong cho phía bị hại. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm về hòa nhập với xã hội.

Trong quá trình điều tra, ông Phạm Tiến D đại diện cho bị hại trình bày: Ông là con ruột của ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị Th. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03 ngày 01 tháng 2018, ông Đ dắt xe đạp sang đường thì bị Trần Thanh T điều khiển xe mô tô đụng phải làm ông Đ tử vong. Sau khi tai nạn xảy ra, bản thân anh T và gia đình đã tới chia buồn và bồi thường thỏa đáng nên gia đình ông đã thống nhất làm đơn bãi nại và xin miễn trách nhiệm hình sự cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Trần Thị Th (vợ của ông Đ); ông Phạm Văn H, ông Phạm Duy L, ông Phạm Duy Kh, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Q (là các con của ông Đ) có văn bản ủy quyền cho ông Phạm Tiến D cũng là con trai của ông Đ đại diện. Tuy nhiên, nội dung và phạm vi ủy quyền không rõ ràng. Do đó, văn bản ủy quyền của bà Th, ông H, ông L, ông Kh, bà L, bà Q cho ông D đại diện tham gia tố tụng là không được chấp nhận ở giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời

khai của người đại diện hợp pháp của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào lúc 09 giờ 45 phút, ngày 03 tháng 01 năm 2018 tại km 64 Quốc lộ 20 thuộc xã PT, huyện TP, Trần Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 60B3-520.08 do không nhường đường cho ông Phạm Văn Đ là người đi bộ qua đường gây tai nạn giao thông. Hậu quả là ông Phạm Văn Đ tử vong.

Hành vi này đã vi phạm các quy tắc giao thông đường bộ và là nguyên nhân gây ra vụ tai nạn giao thông đường bộ dẫn đến hậu quả chết người. Như vậy, hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ Luật Hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[4] Tội phạm do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi vô ý, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông, gây thiệt hại cho tính mạng của ông Phạm Văn Đ. Hành vi của bị cáo không những gây hoang mang trong cộng đồng dân cư nơi xảy ra vụ án, mà còn ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Vì vậy, nhằm để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp cho bị hại có Đơn đề nghị xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định như sau:

“3. Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”.

Tuy nhiên, để nâng cao ý thức của người tham gia giao thông, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định không miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[5.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, còn xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Xét bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có nhân thân tốt. Có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng, chống tội phạm; thể hiện trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đối chiếu các điều kiện áp dụng án treo được quy định tại Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 15 tháng 5 năm 2018 thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo.

Do bị cáo là lao động chính trong gia đình, là lao động làm thuê, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

[7.1] Về xử lý vật chứng: Các xe liên quan đến tai nạn giao thông đã được Cơ quan điều tra trả cho người sử dụng hợp pháp. Giấy phép lái xe số 750163010256 mang tên Trần Thanh T do Sở Giao thông vận tải tỉnh ĐN cấp ngày 20 tháng 6 năm 2016 cũng đã trao trả lại cho bị cáo T. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.2] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Văn Đ đã tự thỏa Th về chi phí mai táng và bồi thường. Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn không yêu cầu về trách nhiệm dân sự cho bị cáo.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;
- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 15 tháng 5 năm 2018;
- Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh T 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thanh T cho Ủy ban nhân dân Thị trấn TP, huyện TP, tỉnh ĐN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh ĐN;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh

